TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HS-ST
Ngày: 28-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Trường
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Long Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 13/4/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn U, sinh năm 1990 tại Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Nơi sinh sống: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959 và bà Phan Thị D, sinh năm 1961; Có vợ tên Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2021, chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có mặt.

2. Tô Mạnh T, sinh năm 1997 tại Cà Mau; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi sinh sống: Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn U, sinh năm 1964 và bà Hà Thị X, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2021, chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có mặt.

3. Trần Thanh P, sinh năm 1993 tại An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi sinh sống: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Huỳnh Thị B), sinh năm 1955; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Vòng Uyển V, sinh năm 1993, chưa có con.

Tiền án: Ngày 23/11/2018 bị Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2020 nhưng chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/11/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có mặt.

** Bị hại:* Anh Trương Thanh N, sinh năm 1988. (có mặt)

HKTT: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi sinh sống: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Nguyễn Thị B (Tên gọi khác: Huỳnh Thị B), sinh năm 1955; (có mặt)

HKTT: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Nơi sinh sống: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Vòng Uyển V, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Tô Văn U, sinh năm 1964. (có mặt)

HKTT: C, T, T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2019 trong quá trình làm việc tại Công ty TopBang thuộc khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn thuộc xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thì bị hại Trương Thanh N có tụ tập ăn nhậu với một số người bạn làm cùng trong khuôn viên của Công ty , bị cáo U lúc đó làm bảo vệ Công ty đến nhắc nhở không được tụ tập đông người vì tình hình dịch bệnh

Covid-19 nên N và U có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và được mọi người can ngăn. Khoảng 03 giờ sáng ngày 27/10/2021 Nguyên đến cổng Công ty Top Bang tìm U và rủ U ra ngoài đánh nhau với N, U không đồng ý nên N đi về.

Khoảng 02 giờ ngày 28/10/2021, bị hại N mang theo 01 con dao Thái Lan, loại cán nhựa màu vàng, có lưỡi dao bằng sắt dài khoảng 15cm đến chốt bảo vệ tìm U để đánh nhau nhưng không gặp U nên N bỏ về. Do lo sợ bị N tìm đánh mình nên bị cáo U gọi điện cho bị cáo P kêu P tìm người cùng đi đánh N, P đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ ngày 30/10/2021, U điều khiển xe mô tô biển số 94B1-331.38 đang lưu thông trên đường ĐT 769 thì thấy N đi làm về. U điều khiển xe mô tô đi theo phía sau N về đến phòng trọ của N tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì Út đi về.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, U sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, số thuê bao 0794.777.195 gọi điện rủ bị cáo T đi đánh nhau thì T đồng ý và hẹn gặp nhau lúc 22 giờ cùng ngày tại ngã tư L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau đó U gọi điện thoại cho P nói gọi thêm người và chuẩn bị mã tấu để chém nhau thì P đồng ý. Lúc này P gọi điện thoại rủ H, P, B (không rõ nhân thân lai lịch) rủ đi chém nhau thì P, H, B đồng ý, P kêu bảo gọi xe taxi và chuẩn bị dao để đi chém nhau. Sau đó B thuê xe ô tô loại 04 chỗ, màu trắng (không rõ biển số) đến đón P, P, H đi cùng. Khi đến cầu vượt Cao tốc Long Thành B có rủ thêm em B (không rõ nhân thân, lai lịch) đi cùng, hung khí B mang theo đánh nhau để dưới sàn xe hàng ghế ngồi thứ 2.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, U điều khiển xe mô tô biển số 94B1-331.38 đến ấp 2, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để đón Tô Mạnh T và chở T về phòng trọ của U lấy 01 con dao tự chế có lưỡi dao bằng sắt dài khoảng 50cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 10cm đưa cho T. Rồi U điều khiển xe mô tô đến ngã tư L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để đợi P. Út nói P đưa cho U hung khí để đi đánh nhau, P đã đưa cho U 01 con dao tự chế có lưỡi dao bằng sắt dài khoảng 30cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 25cm.

Khoảng 22 giờ cùng ngày thì nhóm của P đến Ngã tư Lộc An gặp U và T; U điều khiển xe mô tô chạy trước đến phòng trọ của N, P chỉ dẫn xe ô tô theo sau.

Khi đến đoạn đường gần phòng trọ của N thì U dừng lại và để xe mô tô ở ngoài. Nhóm của U vào bên trong dãy trọ N đang ở, U, T cầm 02 con dao tự chế nêu trên, P cầm 01 con dao tự chế có lưỡi dao bằng sắt dài khoảng 30cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 30cm; P, H, B và em B mỗi người cầm 01 con dao (chưa xác định được chiều dài). U đi đầu tiên, T đi thứ 2, P đi thứ 3, bốn người còn lại đi phía sau P, khi đi vào đến phòng trọ của N, lúc này N đang nằm một mình trong phòng trên tấm nệm trên nền nhà, hướng chân và hướng mặt nhìn ra cửa phòng trọ, do cửa phòng trọ mở nên U cầm dao tự chế bằng tay phải xông vào chém N 03 nhát, 01 nhát chém vào vùng đầu nhưng N đưa gối lên đỡ được, 01 nhát trúng vào tay và 01 nhát trúng vào chân, sau khi bị chém N bò vào

hướng trong phòng trọ thì bị T dùng dao chém một nhát trúng vào phần lưng, P và 04 người đi chung đứng trước cửa phòng trọ thấy N đã bị Ú và T chém nhiều nhát trên người nên không chém nữa mà bỏ chạy ra ngoài theo Ú và T. Ú và T điều khiển xe mô tô về phòng trọ của Tuấn tại ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và T cất giấu 02 con dao T và Ú đã sử dụng chém N nêu trên. P, P, H, B và em B đưa dao cho B và bỏ trốn.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0885/TgT/2021 ngày 16/12/2021 của Trung tâm pháp y, Sở y tế Đồng Nai kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bị hại Trương Thanh N là 60%. Vật gây thương tích là vật sắc hoặc vật sắc nhọn.

Quá trình tiến hành tố tụng các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận giám định pháp y về thương tích số 0885/TgT/2021 ngày 16/12/2021 của Trung tâm pháp y, Sở y tế Đồng Nai.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSLT ngày 21/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ú, Tô Mạnh T và Trần Thanh P để xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng điểm b, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Út từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị: Xử phạt bị cáo Tô Mạnh T từ 06 năm đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm b, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị: Xử phạt bị cáo Trần Thanh P từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo P đã tác động gia đình là bà Nguyễn Thị B và chị Vòng Uyển V đã bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Ú đã tác động gia đình là ông Nguyễn Văn B bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo T đã tác động gia đình là ông Tô Văn Ú bồi thường cho bị hại số tiền 23.000.000 đồng.

Tại phiên toà bị hại N yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo Ú tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng và bị cáo P tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền trên.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng sắt dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm; 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng sắt dài 25cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, các bị cáo Ú, T sử dụng làm công cụ phạm tội, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 94B1-331.38, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen gắn thẻ sim 09011804101 và thẻ sim số 056.256.6998, 02 điện thoại di động Oppo (màu đen và màu xanh đen) các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen không gắn thẻ sim của Tô Mạnh T và 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn Ú không liên quan đến vụ án đề nghị trả lại cho T và Ú.

- Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo Ú: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở với gia đình.

Bị cáo P: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đương sự, người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy có đủ cơ sở để xác định:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vào khoảng 22 giờ ngày 30/11/2021 tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Nguyễn Văn Ú, Tô Mạnh T, Trần Thanh P, cùng một số đối tượng khác có hành vi dùng dao tự chế, trong đó bị cáo Ú dùng dao chém vào vùng tay, vùng chân và bị cáo T dùng dao chém vào vùng lưng của anh Trương Thanh N, gây tỷ lệ thương tích cho anh N là 60%.

[3] Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Xét các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, cấu kết với nhau chặt chẽ. Bị cáo Ú là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên được xác định là đầu vụ. Bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên được xác định với vai trò là người thực hành, bị cáo P là người rủ rê các đối tượng H, P, B (không rõ nhân thân lai lịch), đồng thời tích cực trong việc chuẩn bị hung khí nên được xác định là người giúp sức.

Nên cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo khi lượng hình, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phong có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) do bị cáo Phong đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý trong vụ án này.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Ú còn có tình tiết giảm nhẹ là đó là ông ngoại là liệt sỹ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo P đã tác động gia đình là bà Nguyễn Thị B và chị Vòng Uyển V đã bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Ú đã tác động gia đình là ông Nguyễn Văn B bồi thường cho bị hại

số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo T đã tác động gia đình là ông Tô Văn Ú bồi thường cho bị hại số tiền 23.000.000 đồng.

Tại phiên toà bị hại N yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo Ú tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng và bị cáo P tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng sắt dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm; 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng sắt dài 25cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, các bị cáo Ú, T sử dụng làm công cụ phạm tội, HĐXX xét thấy cần tuyên tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 94B1-331.38, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen gắn thẻ sim 09011804101 và thẻ sim số 056.256.6998, 02 điện thoại di động Oppo (màu đen và màu xanh đen) các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội HĐXX xét thấy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen không gắn thẻ sim của Tô Mạnh T và 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn Ú không liên quan đến vụ án xét thấy cần trả lại cho T và Ú.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo P phải chịu 500.000 đồng; Các bị cáo Ú, T mỗi bị cáo phải chịu 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 47, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 106, 327, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn Ú và bị cáo Tô Mạnh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ú 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2021.

Xử phạt bị cáo Tô Mạnh T 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2021.

- Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 47, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 106, 327, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố bị cáo: Trần Thanh P phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/11/2021.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ú phải bồi thường cho bị hại anh Trương Thanh N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Tô Mạnh T phải bồi thường cho bị hại anh Trương Thanh N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Thanh P phải bồi thường cho bị hại anh Trương Thanh N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng sắt dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm; 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng sắt dài 25cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm.

+ Sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 94B1-331.38, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen gắn thẻ sim 09011804101 và thẻ sim số 056.256.6998, 02 điện thoại di động Oppo (màu đen và màu xanh đen).

+ Trả lại cho bị cáo Tô Mạnh T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen không gắn thẻ sim và trả lại cho Nguyễn Văn Ú 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn Ú.

Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/02/202 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Ú, T, P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo P phải chịu 500.000 đồng; Các bị cáo Ú, T mỗi bị cáo phải chịu 1.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo; Bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND huyện Long Thành;*
- *TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *Cơ quan CSĐT công an huyện Long Thành;*
- *Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bình